

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022

#### I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025; số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 phê duyệt danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021 - 2025.

Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 85/NQ-HĐND ngày 09/9/2022 phân bổ chi tiết vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Bình; số 86/NQ-HĐND ngày 09/9/2022 phân bổ chi tiết vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Kế hoạch số 1722/KH-UBND ngày 20/9/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 10/6/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh giai đoạn 2022-2025.



UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2022 (Chương trình), như sau:

## **II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2021 VÀ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2022**

Năm 2021 và 9 tháng đầu năm 2022, dưới sự chỉ đạo quyết liệt, kịp thời của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành trung ương; lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã tập trung kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý, chỉ đạo điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia từ tỉnh đến huyện; xây dựng, ban hành các văn bản quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện Chương trình theo phân cấp và thẩm quyền được giao. Chỉ đạo các ngành, địa phương rà soát, tổng hợp đối tượng, nhu cầu thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình để triển khai thực hiện. Hoàn thành công tác phân bổ, giao kế hoạch vốn thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh. Các ngành, các địa phương đã tích cực chủ động tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện. Đến nay, UBND các huyện đã hoàn thành công tác phân bổ vốn thực hiện Chương trình trên địa bàn.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình cũng có những khó khăn, vướng mắc làm chậm tiến độ: nguồn vốn trung ương phân bổ muộn, các văn bản hướng dẫn của các bộ ngành chưa đầy đủ, kịp thời; một số dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình yêu cầu địa phương phải ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết, quy định định mức cụ thể.

## **III. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Mục tiêu**

Tập trung nguồn lực đầu tư, giải quyết các vấn đề bức thiết trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: giải quyết đất ở, nhà ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt; sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở địa bàn đặc biệt khó khăn, vùng có nguy cơ cao về thiên tai; phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, đảm bảo cho người dân có thu nhập ổn định từ bảo vệ và phát triển rừng, bảo đảm sinh kế bền vững; đầu tư kết cấu hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống nhân dân, trong đó ưu tiên các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn; đầu tư tạo sinh kế, phát triển kinh tế nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn; chú trọng phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch; chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em; thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; bảo đảm quốc phòng, an ninh, chủ quyền biên giới quốc gia; đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền và biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

### **2. Chỉ tiêu chủ yếu**

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên 4%/năm;

*a* *tb*

- Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất: 138 hộ.
- Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán: 305 hộ.
- Hỗ trợ chuyển đổi nghề: 160 hộ.
- Đầu tư xây dựng 05 công trình nước sinh hoạt tập trung; 15km đường giao thông liên xã; 17 km đường điện hạ thế.
- Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa 06 trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú.
- Đầu tư, hỗ trợ thiết chế văn hóa thể thao cho 17 thôn, bản.
- Đầu tư xây dựng 02 điểm đến du lịch cộng đồng.
- Đầu tư xây dựng 01 chợ biên giới.

### 3. Giải pháp thực hiện

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch; các cấp, các ngành tích cực, chủ động, quyết liệt trong chỉ đạo điều hành, phân đấu hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch được giao.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt về mục tiêu nhiệm vụ của Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch năm 2022. Cụ thể hóa các quy định của Nhà nước phù hợp với đặc điểm tình hình của địa phương, đơn vị để triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ và chỉ tiêu đề ra. Huy động, lồng ghép nguồn lực của các chương trình, dự án trên địa bàn để nâng cao hiệu quả đầu tư các nguồn vốn, chống lãng phí thất thoát.

- Tăng cường phân cấp, trao quyền cho các địa phương trong thực hiện Chương trình; thực hiện công khai, dân chủ từ cơ sở, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia đầy đủ của người dân. Người dân được tham gia và quyết định trong lập kế hoạch, lựa chọn đối tượng được hưởng lợi, tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành, thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Thực hiện công tác, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình để kịp thời khắc phục, tháo gỡ khó khăn cho các địa phương; chấn chỉnh, xử lý kịp thời những yếu kém, sai phạm trong việc triển khai thực hiện.

### IV. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

Nguồn vốn thực hiện: 260.689 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 239.899 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 156.999 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 82.900 triệu đồng).

- Ngân sách tỉnh 20.790 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 12.500 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 8.290 triệu đồng).

(Có phụ lục kèm theo)

*(Chữ ký)*

*(Chữ ký)*

## V. NỘI DUNG THỰC HIỆN

### 1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất: 138 hộ; hỗ trợ chuyển đổi nghề: 160 hộ; hỗ trợ nước phân tán: 305 hộ; đầu tư xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung: 05 công trình.

### 2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

Rà soát, quy hoạch, bố trí ổn định dân cư ở những vùng có nguy cơ bị sạt lở, ngập lụt; đầu tư cơ sở hạ tầng ở các thôn bản ổn định dân cư tại chỗ.

### 3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

#### 3.1. Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân

Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng; hỗ trợ bảo vệ rừng đối với rừng quy hoạch là rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên giao cho cộng đồng, hộ gia đình; hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung; hỗ trợ phát triển rừng sản xuất đã giao ổn định, lâu dài cho hộ gia đình để trồng rừng sản xuất bằng cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ; trợ cấp gạo cho hộ gia đình nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng rừng bổ sung.

#### 3.2. Tiểu dự án 2: Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN

Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tham gia hội chợ để giới thiệu, quảng bá, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

### 4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Đầu tư xây dựng 30 công trình cơ sở hạ tầng (18 công trình giao thông; 06 công trình văn hóa; 04 công trình giáo dục; 01 công trình thủy lợi; 01 chợ) các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Thực hiện công tác duy tu bảo dưỡng công trình sau đầu tư; hỗ trợ mua sắm trang thiết bị cho các trạm y tế.

### 5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

5.1. Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, trường có học sinh bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số

*tele*



- Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa 05 trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, trường có học sinh bán trú các huyện và trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh;

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, trường có học sinh bán trú;

- Thực hiện công tác xóa mù chữ cho người dân vùng dân tộc thiểu số.

### **5.2. Tiểu dự án 2. Bồi dưỡng kiến thức dân tộc**

Bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho đội ngũ cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý cấp phòng và tương đương cấp tỉnh, cấp huyện (thuộc đối tượng 3); công chức cấp xã, bí thư chi bộ, trưởng thôn bản.

### **5.3. Tiểu dự án 3. Phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

Thực hiện công tác tuyên truyền, hướng nghiệp, khởi nghiệp, học nghề, việc làm và các dịch vụ hỗ trợ việc làm; hỗ trợ đào tạo nghề; kiểm tra, giám sát đánh giá.

### **5.4. Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai thực hiện Chương trình các cấp.**

Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình các cấp.

### **6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số**

- Hỗ trợ đầu tư 02 điểm đến du lịch tiêu biểu.

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại 17 thôn, bản; hỗ trợ trang thiết bị hoạt động cho thiết chế văn hóa, thể thao cho 07 thôn bản; xây dựng 04 tủ sách cộng đồng.

- Hỗ trợ 05 nghệ nhân người dân tộc thiểu số; hỗ trợ hoạt động cho 20 đội văn nghệ truyền thống thôn, bản.

- Hỗ trợ chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia tiêu biểu của các dân tộc thiểu số.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể; hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá rộng rãi văn hóa truyền thống tiêu biểu các dân tộc thiểu số; quảng bá xúc tiến du lịch.

### **7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em**

- Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số.

- Hỗ trợ phụ cấp cho cô đỡ thôn bản.

## **8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em.**

Tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em; đảm bảo tiếng nói và vai trò của phụ nữ trong các vấn đề kinh tế - xã hội của cộng đồng.

## **9. Dự án 9. Đầu tư tạo sinh kế, phát triển kinh tế nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn.**

### **9.1. Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù**

Đầu tư xây dựng 24 công trình hạ tầng vùng đồng bào dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù (gồm: 11 công trình đường giao thông; 06 công trình nhà sinh hoạt cộng đồng; xây dựng, nâng cấp 04 công trình giáo dục; 01 công trình thủy lợi; 01 công trình điện lưới; 01 công trình kè chống sạt lở).

### **9.2. Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số**

Truyền thông nâng cao nhận thức về giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức công tác dân tộc, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên cơ sở; tổ chức hội thi tìm hiểu pháp luật về hôn nhân và gia đình, tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số.

## **10. Dự án 10. Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra giám sát thực hiện Chương trình**

### **10.1. Tiểu dự án 1. Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò người có uy tín; phổ biến giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào**

Phát huy vai trò người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số; hoạt động trợ giúp pháp lý cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

### **10.2. Tiểu dự án 2. Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.**

Chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự.

### **10.3. Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giá sát, đánh giá, đào tạo tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình**

*ca*

*ca*

Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh**

Tuyên truyền, vận động tạo sự đồng thuận cao trong xã hội, phát huy vai trò, trách nhiệm của đoàn viên, hội viên và nhân dân trong việc tham gia thực hiện Chương trình. Tăng cường giám sát và phản biện xã hội; kiến nghị các giải pháp, cơ chế, chính sách cụ thể để thực hiện Chương trình có hiệu quả. Phối hợp thực hiện tốt công tác kiểm tra, hướng dẫn thực hiện; nhân rộng các gương điển hình tiên tiến và phong trào thi đua thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch đề ra.

### **2. Ban Dân tộc**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan và UBND các huyện tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch; tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung, tiểu dự án, dự án thành phần thuộc Chương trình được giao; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng và tổ chức kiểm tra việc thực hiện kế hoạch; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

### **3. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chủ Chương trình và cơ quan có liên quan tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư công; tham mưu cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

### **4. Sở Tài chính**

Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách trung ương giao; cân đối, bố trí nguồn vốn vốn sự nghiệp thuộc ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện Chương trình; theo dõi, hướng dẫn cơ chế quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định.

### **5. Các cơ quan chủ trì dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình**

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện nguồn vốn năm 2022; chủ trì, hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc phạm vi quản lý của cơ quan đơn vị; tổ chức triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần do cơ quan, đơn vị quản lý hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch và giải ngân nguồn vốn theo kế hoạch.

Thực hiện theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, kế hoạch triển khai các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần theo chức năng, nhiệm vụ



vụ được phân công. Kịp thời báo cáo cơ quan thường trực Chương trình về kết quả, tiến độ thực hiện, khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

## 6. Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

Thực hiện cho vay theo Nghị định 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 cho các đối tượng thụ hưởng trong các dự án, tiêu dự án theo quy định, đảm bảo nguồn lực thực hiện các nội dung, nhiệm vụ Chương trình.

## 7. Ủy ban nhân dân các huyện

- Căn cứ kế hoạch vốn được giao, điều kiện thực tế của địa phương chủ động xây dựng kế hoạch để tổ chức thực hiện; chịu trách nhiệm sử dụng kinh phí của Chương trình đảm bảo mục tiêu, nhiệm vụ được giao, phát huy hiệu quả nguồn vốn, tránh thất thoát, lãng phí; thực hiện thanh quyết toán nguồn kinh phí đảm bảo các quy định của nhà nước.

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022. Yêu cầu các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện./.

### Nơi nhận:

- Ủy ban Mặt trận TQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hồ An Phong**



**Phụ lục**  
**KẾ HOẠCH VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**  
**VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2022**  
*(Kèm theo Kế hoạch số: 1133 /KH-UBND ngày 11/11/2022 của UBND tỉnh)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục/nội dung	Tổng nguồn vốn kế hoạch năm 2022	Trong đó		Phân theo nguồn					
			Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Ngân sách Trung ương		Ngân sách tỉnh			
					Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp
	<b>Tổng cộng</b>	260.689	169.499	91.190	239.899	156.999	82.900	20.790	12.500	8.290
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	36.827	34.311	2.516	36.827	34.311	2.516	0		
1	Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất				5.500	5.500				
2	Đầu tư công trình nước sinh hoạt tập trung				28.811	28.811				
3	Hỗ trợ chuyển đổi nghề				1.602		1.602			
4	Hỗ trợ nước phân tán				914		914			
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	41.435	35.409	6.026	40.887	35.409	5.478	548		548
III	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	47.905	0	47.905	47.905	0	47.905	0		
1	Tiêu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	44.100	0	44.100	44.100		44.100	0		
2	Tiêu dự án 2: Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	3.805	0	3.805	3.805		3.805	0		
IV	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	31.341	29.482	1.859	31.011	29.482	1.529	330		330

a

1	Đầu xây dựng cơ sở hạ tầng các xã, thôn bản vùng DTTS	31.011	29.482	1.529	31.011	29.482	1.529	0		
2	Chợ biên giới					2.000				
3	Đường giao thông liên xã					3.216				
4	Hỗ trợ trang thiết bị cho trạm y tế					462		330		
5	Duy tu bảo dưỡng công trình sau đầu tư					1.397				
<b>V</b>	<b>Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực</b>	<b>16.272</b>	<b>9.853</b>	<b>6.419</b>	<b>14.272</b>	<b>9.853</b>	<b>4.419</b>	<b>2.000</b>		<b>2.000</b>
1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	13.374	9.853	3.521	11.374	9.853	1.521	2.000		2.000
2	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi,	733	0	733	733		733	0		
3	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho thanh niên vùng dân tộc thiểu số và miền núi	1.381	0	1.381	1.381		1.381	0		
4	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai thực hiện Chương trình các cấp	784	0	784	784		784	0		
<b>VI</b>	<b>Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch</b>	<b>13.141</b>	<b>7.739</b>	<b>5.402</b>	<b>10.613</b>	<b>7.739</b>	<b>2.874</b>	<b>2.528</b>		<b>2.528</b>
<b>VII</b>	<b>Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em</b>	<b>852</b>	<b>0</b>	<b>852</b>	<b>545</b>		<b>545</b>	<b>307</b>		<b>307</b>
<b>VIII</b>	<b>Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em</b>	<b>1.411</b>	<b>0</b>	<b>1.411</b>	<b>1.411</b>		<b>1.411</b>	<b>0</b>		
<b>IX</b>	<b>Dự án 9: Đầu tư tạo sinh kế, phát triển kinh tế nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn</b>	<b>54.812</b>	<b>39.273</b>	<b>15.539</b>	<b>54.812</b>	<b>39.273</b>	<b>15.539</b>	<b>0</b>		
1	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	54.168	39.273	14.895	54.168	39.273	14.895	0		
2	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống	644	0	644	644		644	0		
<b>X</b>	<b>Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình</b>	<b>4.193</b>	<b>932</b>	<b>3.261</b>	<b>1.616</b>	<b>932</b>	<b>684</b>	<b>2.577</b>		<b>2.577</b>

1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào	669	0	669	389		389	280		280
2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.889	932	957	1.061	932	129	828		828
3	Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	1.635	0	1.635	166		166	1.469		1.469

*G*